

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ V  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Quan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Cường.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2022/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị A; địa chỉ: Khóm M, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1961; địa chỉ: Khóm M, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị A trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thế H có thời gian tự tìm hiểu nhau được khoảng 06 tháng thì đi đến kết hôn, có tổ chức lễ cưới vào tháng 01/2017. Bà và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 30/5/2017.

Sau khi kết hôn, bà và ông H sống riêng tại địa chỉ Khóm M, Phường C, thành phố V. Bà và ông H sống hạnh phúc được 01 năm, đến cuối năm 2018 thì không còn hạnh phúc. Bà và ông H chung sống không hòa hợp với nhau, bất đồng ý kiến trong cuộc sống, khi bà đi làm có công việc bà cần phải ở lại chỗ làm thì bà

có ở lại chỗ làm và bà có thông báo cho ông H biết. Tuy nhiên, khi bà về đến nhà thì ông H thường xuyên đuổi bà đi khỏi nhà không cho bà ở nhà nữa. Ngoài ra, ông H chửi bà và không cho bà về nhà nên tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống hạnh phúc được nữa.

Khi phát sinh mâu thuẫn bà cũng có tạo điều kiện cùng nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông H không có thay đổi và vợ chồng vẫn không hàn gắn được, hai bên gia đình cũng không có khuyên ngăn. Bà và ông H đã sống ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân thì ông H vẫn sinh sống tại địa chỉ trên, còn bà hiện nay sống tại địa chỉ đường NH, Phường T, thành phố V. Bà xác định hiện nay không còn tình cảm với ông H. Vì vậy, bà không thể hàn gắn đoàn tụ với ông H được và cương quyết xin ly hôn, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Thế H theo đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về hôn nhân: Bà A xin ly hôn với ông H; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Thế H: Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo ngày mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng ông H đều vắng mặt, không cung cấp chứng cứ.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền loại việc: Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền theo lãnh thổ: Bị đơn ông Nguyễn Thế H, cư trú tại địa chỉ: Khóm M, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Thế H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **[2] Về hôn nhân:**

Bà Bùi Thị A với ông Nguyễn Thế H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long ngày 30/5/2017. Do đó, quan hệ hôn nhân của bà A và ông H là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm

vợ chồng không còn. Bà A xác định vợ chồng ly thân từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay.

Đối chiếu với quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”, nhưng giữa bà A và ông H mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, vẫn không hàn gắn được. Như vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông H là có thật, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà A ly hôn với ông H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Bà Bùi Thị A khai không có, nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về chia tài sản: Bà Bùi Thị A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Bùi Thị A khai không có, nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí:

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Bùi Thị A và ông Nguyễn Thế H.
2. *Về nuôi con chung*: Bà Bùi Thị A khai không có, nên không đặt ra giải quyết.
3. *Về chia tài sản*: Bà Bùi Thị A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.
4. *Về nợ chung*: Bà Bùi Thị A khai không có, nên không đặt ra giải quyết.

5. *Về án phí:* Bà Bùi Thị A chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001266 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V; bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi bị đơn cư trú.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V;
- UBND Phường T, TP V, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Hồng Quan**